

Bản số: 15 /2021/HNGĐ-ST

Ngày: 30-7-2021

V/v Tranh chấp Hôn nhân và gia đình

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG H XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN Đ, TỈNH THÁI NGUYÊN**

**Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

**Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa:** Ông Nguyễn Quang Tuấn

**Các Hội thẩm nhân dân:** Ông Lê Thanh Hải

Bà Nguyễn Thị Nguyệt

**Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa:** Bà Lô Thị Lệ Hoài – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên.

**Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đ tham gia phiên tòa:** Bà Như Như Nhung - Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 7 năm 2021, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân gia đình thụ lý số: 27/2021/TLST - HNGĐ ngày 02 tháng 3 năm 2021 về việc tranh chấp Hôn nhân gia đình theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 13/2021/QĐXXST - HNGĐ ngày 13/5/2021 giữa các đương sự:

**Nguyên đơn:** Bà Nông Thị H, sinh năm 1969 (có mặt).

**Bị đơn:** Anh Hoàng Văn T, sinh năm 1967 (vắng mặt lần thứ hai).

Cùng trú tại: Xóm L, xã V, huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Tại đơn khởi kiện, bản tự khai và trong quá trình giải quyết, xét xử vụ án nguyên đơn bà Nông Thị H trình bày: Bà và ông Hoàng Văn T được tổ chức cưới hỏi theo phong tục địa phương từ năm 1989. Nhưng do không hiểu biết về pháp luật nên đến năm 2020 vợ chồng mới đi đăng ký kết hôn. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống với nhau tại nhà chồng ở xóm L, xã V, huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên. Bà H nhận thấy hôn nhân không hạnh phúc ngay từ ban đầu do ông T thường xuyên bạo lực nhưng do nghe lời bố mẹ bà vẫn chịu đựng chung sống với ông T. Vợ chồng có 03 người con chung, ông T không thay đổi tính nết song bà vẫn cố gắng sống chung để các con trưởng thành. Đến nay, bố mẹ bà đã mất, các con đã trưởng thành ông T vẫn đánh đập bà nhiều lần phải vào viện cấp cứu và đuổi bà ra khỏi nhà phải thuê phòng trọ để sống. Ngoài ra, ông T còn thường xuyên rượu chè và có quan hệ với người phụ nữ khác. Đến năm 2019 bà bỏ đi làm công nhân ở tỉnh Bắc Giang, vợ chồng sống ly thân từ đó cho đến nay.

Nay bà H xác định tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được nên yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông T.

Về con chung: Vợ chồng có 03 con chung là Hoàng Văn T1, sinh năm 1990, Hoàng Văn H, sinh năm 1992 và Hoàng Thùy L, sinh năm 1997. Hiện nay các con đã trưởng thành, có đầy đủ năng lực hành vi dân sự nên bà H không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết về con chung.

Tại đơn khởi kiện bà H xác định bà là người đại diện theo pháp luật của 02 cháu: Hoàng Thị H1, sinh năm 2005 và Hoàng Văn C, sinh năm 2007 (Bà H không nhớ ngày tháng sinh của các cháu). Hai cháu này là con của em trai ông Hoàng Văn T. Do bố mẹ các cháu đều đã chết nên ông T và bà H nuôi dưỡng các cháu từ nhỏ. Hiện các cháu đang ở với ông T.

Về tài sản chung, nợ chung: chưa yêu cầu Tòa án giải quyết.

Sau khi Tòa án thụ lý vụ án, ông Hoàng Văn T có đến Tòa án và nhận Thông báo thụ lý, Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp tiếp cận công khai chứng cứ và H giải trong vụ án ly hôn giữa bà Nông Thị H ông Hoàng Văn T. Tuy nhiên, ông T không ký vào biên bản giao nhận giấy tờ của Tòa án. Ông cũng không cung cấp bất cứ lời khai nào thể hiện quan điểm của mình về việc giải quyết vụ án. Vì vậy, ngày 13/5/2021 cán bộ Tòa án đã đến nhà ông T làm việc trực tiếp để xác định quan điểm của ông T. Ông T trình bày quan điểm của mình trước sự chứng kiến của trưởng xóm L như sau: Về quan hệ hôn nhân, ông không bỏ vợ; Về con chung: Vợ chồng có 03 con chung đã trưởng thành và có gia đình riêng; Về tài sản chung: không có ý kiến gì; Về nợ chung: Ông trình bày vợ chồng có vay ngân hàng nhưng ông không cung cấp hợp đồng tín dụng cũng như giấy tờ có liên quan khác về việc vay nợ. Ông xác nhận đã nhận thông báo thụ lý và thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải nhưng ông không đến Tòa. Tại buổi làm việc hôm nay, cán bộ Tòa án đã tổng đạt Quyết định đưa vụ án ra xét xử và giấy triệu tập phiên tòa cho ông T nhưng ông không nhận và bỏ đi. Ông trình bày: Tòa án cứ giải quyết vụ án, ông không đến phiên tòa. Ngay sau đó, Tòa án tiếp tục lập biên bản và hỏi thêm trưởng xóm L về nội dung: Đối với hai cháu mồ côi hiện đang sống cùng ông T do bà H là người giám hộ, trưởng xóm cung cấp thông tin như sau: Hai cháu Hoàng Thị H1, sinh năm 2005 và Hoàng Văn C, sinh năm 2007 là con của em trai ông T. Tuy nhiên, vợ chồng em trai ông T đều đã chết nên các cháu ở với ông T và bà H từ nhỏ. Hiện tại, các cháu vẫn đang ở nhà ông T.

Tòa án đã tiến hành niêm yết Quyết định đưa vụ án ra xét xử và giấy triệu tập phiên tòa theo đúng quy định của pháp luật. Ngày 31/5/2021 Tòa án mở phiên tòa lần thứ nhất nhưng T vắng mặt. Vì vậy, Tòa án tiếp tục niêm yết quyết định hoãn phiên tòa và giấy triệu tập phiên tòa theo quy định của pháp luật.

Ngày 30/6/2021, Tòa án mở phiên tòa lần 2: Nguyên đơn là bà Nông Thị H đang làm việc tại vùng có dịch Covid 19 nên không thể về tham gia phiên tòa được nên Tòa án hoãn phiên tòa và tiến hành tục niêm yết quyết định hoãn phiên tòa và giấy triệu tập phiên tòa theo quy định của pháp luật.

Ngày 30/7/2021 Tòa án mở lại phiên tòa: Nguyên đơn bà Nông Thị H giữ nguyên yêu cầu khởi kiện xin ly hôn với ông Hoàng Văn T. Bị đơn ông Hoàng Văn T vắng mặt.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đ phát biểu quan điểm đây là vụ án “Tranh chấp Hôn nhân và gia đình”, căn cứ Điều 28, 35, 39 BLTTDS Tòa án nhân dân huyện Đ thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền. Về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng dân sự (nguyên đơn) kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm HĐXX nghị án, đã được thực hiện theo đúng quy định của pháp luật. Không có vi phạm, không có đề xuất hay kiến nghị gì. Bị đơn chưa thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định tại Điều 70, 72 của BLTTDS.

Về nội dung: Đề nghị HĐXX áp dụng khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, 39, 147, Điều 227, 228, 235, 271, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Các Điều 51, 56 Luật hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 Quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, tuyên xử:

- Về quan hệ vợ chồng: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà H, cho bà H được ly hôn với ông T.

- Về con chung: Vợ chồng có 03 con chung đều đã trưởng thành, không xem xét, giải quyết.

- Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu nên không xem xét giải quyết trong vụ án này.

- Về án phí: Bà H phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

#### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, sau khi nghe ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Đây là vụ án tranh chấp Hôn nhân và gia đình bị đơn Hộ khẩu thường trú tại: huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên. Căn cứ theo quy định tại khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự, vụ án này thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên.

Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã thông báo hợp lệ cho nguyên đơn, bị đơn đến Tòa án trình bày bản tự khai, tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải theo quy định của pháp luật nhưng bị đơn không hợp tác, không cung cấp lời khai cho Tòa án và không tham gia phiên họp và phiên hòa giải. Tòa án đã tổng đạt, niêm yết hợp lệ quyết định đưa vụ án ra xét xử, giấy triệu tập phiên tòa, quyết định hoãn phiên tòa nhưng ông T không đến tham gia tố tụng tại phiên tòa, vẫn vắng mặt tại phiên tòa lần thứ ba không có lý do. Vì vậy HĐXX căn cứ vào khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 BLTTDS xét xử vắng mặt ông Hoàng Văn T.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Bà Nông Thị H và ông Hoàng Văn T kết hôn tự nguyện, có đăng ký kết hôn nên đây là hôn nhân hợp pháp, được pháp luật công nhận và bảo vệ.

Tại lời khai của nguyên đơn, bị đơn mâu thuẫn vợ chồng là do ông T bạo lực gia đình, nhiều lần đánh bà phải đi cấp cứu, đuổi bà ra khỏi nhà nhiều lần. Vì vậy, bà H mới phải đi ở trọ và sống ly thân với ông T. Như vậy, có thể thấy rằng, cuộc sống vợ chồng của bà H và ông T không hạnh phúc do bạo lực gia đình. Vợ chồng không còn yêu thương, tôn trọng lẫn nhau. Ông T trình bày ông không bỏ bà H nhưng không có bất cứ hành động nào thể hiện thiện chí đoàn tụ vợ chồng. Tại phiên tòa, bà H xác định không thể chung sống với ông T được nữa và xin HĐXX cho ly hôn để bà được giải thoát khỏi cuộc hôn nhân này. Hội đồng xét xử nhận thấy vợ chồng bà H ông T ly thân đã lâu, hai bên không còn yêu thương, tôn trọng nhau, không còn khả năng đoàn tụ, mâu thuẫn vợ chồng đã trở nên trầm trọng không thể hàn gắn, đời sống chung không thể tiếp tục, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy yêu cầu xin ly hôn của bà H được Hội đồng xét xử chấp nhận. Căn cứ vào Điều 51, 56 Luật hôn nhân và gia đình giải quyết cho bà Nông Thị H được ly hôn với ông Hoàng Văn T.

[3] Về con chung: Bà H, ông T xác định vợ chồng có 03 con chung đều đã trưởng thành, có đủ năng lực hành vi dân sự nên HĐXX không xem xét, giải quyết.

Đối với 02 cháu: Hoàng Thị H1, sinh năm 2005 và Hoàng Văn C, sinh năm 2007. Bà H xác định bà là người đại diện theo pháp luật của các cháu. Hiện các cháu đang ở với ông T. HĐXX không xem xét, giải quyết.

[4] Về tài sản chung, nợ chung: Nguyên đơn chưa yêu cầu nên HĐXX không xem xét, giải quyết trong vụ án này.

[5] Về án phí: Căn cứ Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, bà Nông Thị H phải chịu án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm sung quỹ Nhà nước.

Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo luật định.

*Vì các lẽ trên;*

### **QUYẾT ĐỊNH**

Căn cứ khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, 39, 147, 174, 177, Điều 227, 228, 235, 271, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 51, 56 Luật hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

#### **Tuyên xử:**

[1]. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện ly hôn của bà Nông Thị H, cho bà Nông Thị H được ly hôn ông Hoàng Văn T.

[2]. Về con chung: vợ chồng có 03 con chung đều đã trưởng thành, có đủ năng lực hành vi dân sự nên HĐXX không xem xét, giải quyết.

[3]. Tài sản chung, nợ chung: Chưa yêu cầu Tòa án giải quyết.

[4]. Án phí: Bà Nông Thị H phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm sung quỹ Nhà nước. Được trừ vào số tiền 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0006608 ngày 02/3/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên.

Án xử công khai sơ thẩm, báo cho nguyên đơn là bà Nông Thị H biết có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Bị đơn là ông Hoàng Văn T vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

***Nơi nhận:***

- TAND tỉnh Thái Nguyên;
- VKSND huyện Đ;
- THADS huyện Đ;
- Các đương sự;
- UBND xã V;
- Lưu VT, HSVA.

**T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ  
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

**Nguyễn Quang Tuấn**

